

# NHÀ TÙ CÔN ĐẢO TRONG TÁC PHẨM THI TÙ TÙNG THOẠI CỦA HUỲNH THỨC KHÁNG

Nguyễn Văn Thương<sup>1</sup>

**Thi tù tùng thoại** là một tác phẩm ghi chép văn chương của Huỳnh Thúc Kháng (1876 – 1947). Tác phẩm được ông viết bằng chữ Hán vào thời gian ông bị lưu đày ở Côn Đảo từ 1908 đến 1921. Khi được trả tự do, trên đường về sách bị tịch thu và thiêu hủy. Khi ra Huế làm báo Tiếng Dân ông mới viết lại theo dạng hồi ức và dịch ra tiếng Việt. Tác phẩm được đăng liên tục trên báo Tiếng Dân từ số 1106 đến số 1196. Năm 1939 nhà in Tiếng Dân đã in thành sách. Sách gồm 126 tiết mà không có chương hay đề mục liên tục. Nội dung sách theo tác giả là “chuyện sử tù” của lịch sử văn học Việt Nam. Với 126 tiết dàn trải trong mấy trăm trang sách với rất nhiều bài thơ, câu đối, thi thoại của Huỳnh Thúc Kháng và các bạn tù. Ngoài thơ văn của các sĩ phu yêu nước, qua tác phẩm này ta còn biết thêm nhiều điều của nhà tù Côn Đảo

## 1. Nhà tù Côn Đảo – Một công cụ của thực dân

### • Quang cảnh Côn Đảo

Trong tiết 16 Huỳnh Thúc Kháng viết: “Đảo Côn Lôn là một hòn đảo giữa biển ở về phía biển Đông biển Sài Gòn, trước triều ta thuộc về tỉnh Vĩnh Long. Từ thuộc về người Pháp làm nơi tù đày”[2, tr.47]. Tiết 19 và tiết 20 viết tiếp: “Đảo Côn Lôn là cồn nổi giữa giữa biển, bốn mặt đều biển bao bọc, dễ việc canh phong, nên người Pháp dùng làm nơi đày tội, đảo ấy là một sở ngục lớn nhất ở Đông Dương, quy mô kiến thiết, nghiêm nhiên như một tinh hạt ở tring đất, có khác một đều là dân ở dưới quyền cai trị đều là bọn tù”[2, tr.53].

Về quy mô nhà tù Côn Đảo có các sở tù và các ban giam tù. Các sở tù được Pháp thành lập để khai thác sức lao động khổ sai của người tù trong việc canh tác đất đai, khai thác tài nguyên rừng và biển. Còn các ban là để giam tù. “Xung quanh có bức thành bao, trong rộng độ một mẫu ấy là ngục viên, bốn phía có tường cao, chỉ trừ cửa trước và cửa sau. Ngoài cửa trước có cửa gác, nhà giấy Gardien Chef, kho chứa các khí dụng, đều dựa sát vào tường lao. Cửa sau bên trong thì nhà bếp, giếng, kho xay lúa và ngục tối...”[2, tr.54]. “Chính giữa vòng thành ấy chia làm hai bên, hai dãy khám dài, mỗi dãy 5 phòng... mỗi phòng chứa được 100 tù...”. “Giữa hai dãy khám cách một cái sân rộng 12 thước tây, có trồng 2 hàng cây bàng, bóng che mát cả sân. Trước dãy khám có hiên rộng, nơi hiên đó là chỗ tù ăn”[2, tr.54].

Qua những gì Huỳnh Thúc Kháng miêu tả cho thấy quy mô, cấu trúc nhà tù Côn Đảo hết sức chặt chẽ, Côn Đảo trở thành công cụ đàn áp hiệu quả, lợi hại đối với những con người yêu nước. Thực dân Pháp cho rằng Côn Đảo bốn bờ biển trời mênh mông, cách xa đất liền nên người tù muốn trốn cũng khó thoát, người ngoài cứu tù lại càng khó hơn. Ở Côn Đảo những người tù yêu nước bị cắt đứt quan hệ với gia đình, xã hội nên không thể hoạt động được. Thực dân Pháp cũng nghĩ rằng Côn Đảo hoang vắng nên có thể thi hành những biện pháp đàn áp dã man, tàn bạo. Những người tù đấu tranh mạnh mẽ tới đâu cũng không

<sup>1</sup> Học viên cao học – Lịch sử Việt Nam, ĐH Thủ Dầu Một. Email: trieuchau842003@yahoo.com. ĐT: 0933041170

thể gây ảnh hưởng. Còn bọn cai ngục có thể giết người mà không ai hay. Côn Đảo lại có nguồn thiên nhiên phong phú, muốn khai thác nó phải đưa nhân công tới nên dùng sức tù nhân là thích hợp.

- **Tổ chức nhà tù Côn Đảo**

Về tổ chức, đảo có một tên Quản đốc tương đương với chức Tham biện giữ chính quyền tối cao. Ở Côn Đảo viên Quản đốc thực sự là “chúa đảo” nắm quyền sinh sát đối với tù nhân. Viên Quản đốc này trực thuộc dưới quyền của thống đốc Nam kì. Dưới Quản đốc có một kí lục (lục sự kế toán) giữ tài chính. Tên này có thể thay mặt cho Tham biện giải quyết mọi công việc khi Tham biện vắng mặt. Ngang hàng với viên kí lục là một viên Chef Gardien ma tà – giám thị trưởng (còn gọi tên này là sếp chánh). Nhiệm vụ của tên này là đốc suất công việc trong tù và việc canh phòng trong nhà ngục, bên cạnh đó có các chủ sở nhằm bóc lột sức lao động của tù nhân. Ở đảo cũng có một trại lính Tây do một vị quan Hai cai quản, có một nhà thương và thầy thuốc chữa bệnh.

Nói chung tổ chức ở Côn Đảo hết sức chặt chẽ, có một bộ máy cai trị hoàn chỉnh. Vấn đề an ninh của đảo luôn được bọn thực dân quan tâm. Côn Đảo đã trở thành một thị trấn nhưng chỉ có điều tất cả “dân” đều là tù nhân.

- **Việc quản lí tù nhân ở Côn Đảo**

- **Phát thẻ bài**

Ngay từ khi tù nhân vừa chân ướt chân ráo ra Côn Đảo đã bị đưa ngay đến phòng giấy Gardien Chef và bắt sắp hàng. Sau khi lấy hết đồ đạc của tù nhân thì cấp cho tù nhân mỗi người một bộ quần áo vải màu xanh, một chiếc chiếu và một cái thẻ bài có in số. Số của Huỳnh Thúc Kháng 7455. Mục đích của phát thẻ bài là rất ma mãnh. Huỳnh Thúc Kháng viết: “Người Tây dùng số học ra làm thực tế, phàm sắc vỡ, khí dụng gì cũng nên thứ tự theo chữ số để tiện tra khảo, rất là tiện lợi, lại khỏi cái lỗi sai lầm lẫn lộn. Cái thẻ bài ghi số tù này là một. Thẻ ấy bằng mảnh gỗ mỏng mà vuông trên khắc con số ghi án giam... Phàm có việc gì kêu gọi tra xét chỉ gọi con số trên thẻ bài đó”[2, tr.47 – 48]. Ngô Đức Kế đã mỉa mai cái thẻ bài “Thẻ bài chúng ta đeo đây cũng như bài ngà mà các quan ở Huế thường đeo lòng thông trước ngực, trong cũng dễ coi...”[2,tr.48].

- **Điểm tù, xét tù**

Đối với bọn người Pháp phàm làm chuyện gì bất kể lớn nhỏ đều có quy tắc nghiêm ngặt, không lồi thối cầu thả. Đối với việc quản lí tù ở Côn Đảo lại càng kĩ càng. Mới 5 giờ rưỡi tù nhân đã phải thức dậy, tù sở nào đứng theo sở ấy. Khi cắt làm một việc gì đó Gardien Chef điểm số tù, một Ma tà khác cầm sổ tay cũng đếm số tù rồi ghi vào sổ. Đếm xong Gardien Ma tà dẫn tù ra ngoài khám đi làm. Đến 9 hay 10 giờ lại bắt sắp hàng để điểm như hồi sáng rồi dẫn về. Về đến cửa banh lại đứng sắp hàng, Gardien chính đếm lại lần nữa rồi mới cho tù nhân đi ăn cơm. Vào khám lại sắp hàng đếm lại một lần nữa. Theo Minh Viên kể lại thì một ngày cả thầy có khoảng 14 lần điểm, nhiều khi đếm lẫn lộn thì Gardien mở từng khám đếm đi đếm lại có khi mất ba bốn giờ đồng hồ, bỏ luôn cả ăn trưa tìm cho ra mới được nghỉ. Theo nghiêm cấm ở trong tù, chỉ có đồ ăn mặc thì được mang vào khám, ngoài ra vật gì cũng cấm, đặc biệt là các thứ đồng, sắt, dao, dùi... là những thứ giết người được. Mỗi buổi tối khi đi làm xong về tù nhân phải cởi trần ra để bị khám xét một cách kĩ càng. Việc điểm tù, xét tù ngày nào cũng thế, năm này sang năm nọ cũng thế, lâu ngày thành thói quen.

Qua việc điếm tù, xét tù của nhà tù Côn Đảo ta thấy đây là một công việc mà bọn thực dân hết sức lưu tâm. Chúng để ý việc này nhằm thuận tiện trong việc phân công khổ sai đi làm xâu. Cũng qua việc điếm tù để quản lý chặt, ngăn chặn tù trốn trại vượt biển. Hơn nữa chúng cũng sợ tù nhân “nổi loạn” khi có được vũ khí.

## **2.Đời sống của tù nhân Côn Đảo (1908 – 1921)**

### **• Việc ăn uống của người tù**

Sở dĩ nói đến việc ăn uống trước tiên vì đây là nguồn sống duy nhất để người tù bù đắp sức lao động khổ sai mà hằng ngày họ đổ ra. Mức lao động của tù nhân ở đây gấp 3 lần so với lao động bình thường. Vậy mà chế độ ăn uống ở Côn Đảo vô cùng thiếu thốn, kham khổ. Đã vậy lại còn bị bọn chủ thần thông đồng với chúa Đảo bòn rút bớt xén. Chúng cho tù nhân ăn cơm gạo lứt hẩm có nhiều thóc. Cá khô là loại thức ăn chính của người tù nhưng lại là cá vụn, lấm xương, thậm chí là có mùi.

“Đồ ăn đựng bằng sắt tây, lon nhỏ đựng cơm, mắm, cá, thịt, thùng lớn đựng canh... Cơm lứt gạo xay không giã, đồ ăn thì canh và cá khô là món độc nhất quanh năm, thỉnh thoảng có bữa thịt...”[2, tr.54]. Ở nhà tù Côn Đảo cơm bao giờ cũng thiếu, thức ăn không đủ bao giờ, lùa miếng cơm vào miệng cũng không dễ. Thậm chí ăn không nhanh còn bị mất phần. Có một điều mà Huỳnh Thúc Kháng không nói đến đó là ruồi. Ruồi đậu vào cơm của người tù nhiều đến nỗi người tù gọi là “cơm xôi đỗ”. Khẩu phần rau thì quả là đáng sợ, đó là thân những cây chuối đại thái ra, khi là rau tham, rau dền đại... Khẩu phần ăn cũng là một trong những nguyên nhân của dịch bệnh năm 1909.

Cả ngày bị lao động khổ sai hay bị nhốt trong khám, ngày 2 lần được ra ăn cơm (mỗi lần 10 phút). Hạnh phúc biết bao khi thấy khoảng trời xanh qua tán lá bàng khi ánh nắng chan hòa và được hít không khí trong lành. Nhìn vào cảnh ăn uống của người tù mới đáng thương làm sao. Những gì Huỳnh Thúc Kháng ghi lại là có thật, một minh chứng cho tội ác của thực dân

### **• Lao động khổ sai**

#### **- Làm xâu, đập đá**

“Công việc trong tù có phân từng sở, có sở nhất định, có sở tạp dịch. Sở nhất định như thợ hồ, thợ mộc, thợ rèn,... những sở này thường cắt bọn khổ sai sai có kì hạn và tội án nhẹ hơn ra làm. Còn tạp dịch thì bất thường, nay xâu này mai xâu khác, có việc thì bắt làm như xe đá, dọn tàu, đôn củi...”[2, tr.55]. Xâu ở trong tù thì đập đá là công việc nhẹ nhất. Tuy vậy kíp tù khai thác đá ở chân núi chúa phải lên núi khoan lỗ, nổ mìn, đập đá rồi khuân đá lên xe đẩy về. Khi mìn nổ hầu như ngày nào cũng có người bị thương. Hằng ngày họ phải gò lưng dưới nắng rất đập lên đường rải đá dăm sặc cạnh để đập đá, kéo xe. Đây chính là tình cảnh của những người tù khổ sai đang đổ sức để nối dài thêm từng tấc đường ở Côn Đảo dưới thời thuộc Pháp.

“Tội quan to” có cái túi văn chương bình nhật ngạo nghễ với đời đã tạo thành thói quen, dầu ở trong cảnh tù tội mà thói ngạo ấy vẫn không chừa. Bên cạnh đó bọn tù thường phạm đập đá dễ dàng làm sao. Còn “tội quan to” ra sức đập mà đá không chịu bể. Vì cái cơ đó nên các cụ bị gọi là “quan to hèn” và luôn bị mắng nhiếc, bị roi đòn của lũ ma tà.

#### **- Dọn tàu**

Thông thường cứ cách 2 tuần lại có một chuyến tàu chở thóc và cá khô, hàng hóa ra biển. Công việc dọn tàu trừ các sở đặc biệt như sở ghé, sở lò gạch còn các sở khác đều bị

điều ra làm việc. Công việc tù ở Côn Lôn thì xâu dọn tàu là nặng nề quá sức với “tụi quan to”. “Lúc chúng tôi mới ra, có dọn 2 lần, rất là tê mê toái hoải, rước lấy vô số là roi. Xâu này trừ vài người dân Bình Định ra đủ sức làm được như bọn tù kia, đám quan to duy chỉ có ông Phong Thứ, Ngô Xá làm nổi, vác nổi bao lúa, còn bao nhiêu kiệt quệ cả...”[2, tr.76]. Đây là tả thực tình cảnh “quan to” sợ xâu dọn tàu.

Vịnh Côn Lôn cạn, muốn lấy hàng phải đưa xà lan nhỏ ra dỡ hàng, chuyên vào bờ làm nhiều chuyến, sau đó lại đưa vào nha kho. Kịp dọn tàu phải khuôn vác từ sớm đến chiều, đêm chạy đèn làm đến khi nào hết hàng mới thôi. Nhiều người tù quá mệt, bước không nổi ngã ngục vào thành kè, bào hàng người đè bên người. Bọn cai ngục lập tức xúm lại đập túi bụi vào người tù.

### • Một số sinh hoạt của tù quốc sự

#### - Tranh luận chủ nghĩa

Bị tù thường phạm lưu manh thường xuyên quấy rối, tù quốc sự (các sĩ phu yêu nước) làm đơn được giam riêng. Năm 1909 Cudenet đã chuẩn y. Được giam riêng và khổ sai có phần nhẹ hơn, “tụi quan to” có điều kiện thảo luận với nhau tình hình trong nước, tình hình phương Đông, tình hình thế giới... Những người tham gia thảo luận ở đây là những con người đủ tầm quyền phát biểu chính kiến. Họ trình bày những điều đã nghe, đã thấy, đã làm. Đề tài thảo luận khá rộng: Văn thơ cổ điển Việt Nam, Trung Quốc, về Minh Trị Duy Tân, Duy Tân ở Trung Quốc... Đặc biệt là vận động chống Pháp khi mất Nam Kỳ cho đến đầu thế kỉ XX. “Lúc ấy trong khám B vấn đề chủ nghĩa sôi nổi rất náo nhiệt, không ngày nào không bàn chủ nghĩa. Những người thực lòng yêu nước... trao đổi chính kiến để dung hòa thành kiến...”[2, tr.165].

Những năm bị cầm tù ở Côn Đảo là những năm khủng hoảng bế tắc đối với các nhà nho đại diện cho những khuynh hướng yêu nước của Văn thân. Từ khi bị bắt đến khi được thả các vị đã có dịp suy nghĩ cân nhắc về đường lối và phương pháp đấu tranh của mình, mặc dù tinh thần yêu nước thương nòi, xả thân vì nghĩa cả không hề đổi khác. Các vị đã nhận thấy con đường của mình đưa đến “Trăm thất bại không một lần thành công” (Phan Bội Châu). Do hạn chế giai cấp, ý thức hệ các cụ đã không tìm ra một đường lối đúng đắn, tập hợp được quần chúng để chống giặc. Trong những năm tháng ở Côn Đảo đa số các văn thân tỏ ra bất lực, chỉ biểu lộ tình cảm mà không tham gia các cuộc đấu tranh do các tù nhân khác tiến hành.

#### - Làm thơ trong tù

Thi tù từng thoai ghi lại gần 200 bài thơ. Số lượng nhiều nhất là của Huỳnh Thúc Kháng (92 bài), Đặng Nguyên Cẩn (14 bài), Ngô Đức Kế (19 bài)... Về câu đối tất cả 40 câu, nhiều nhất vẫn là của Huỳnh Thúc Kháng và Đặng Nguyên Cẩn. Bài thơ nổi tiếng và thể hiện được khí phách của những con người khi lỡ vận đó là bài “Đập đá” của Phan Chu Trinh.

Ngày 15 tháng 8 năm 1911 các sĩ phu có dịp đưa các túi văn chương ra giải tỏa nỗi lòng vì dân vì nước. Cụ Huỳnh Thúc Kháng cùng một số sĩ phu yêu nước khởi xướng thi đàn, lấy 7 chữ “ngày này năm ngoái đến Côn Lôn” làm đề mục. Bài thơ của cụ Huỳnh được nhiều người tâm đắc:

*Ngày này năm ngoái đến Côn Lôn  
Cay đắng mùi tù cứ nuốt ngon*

*Thêm gạch ban ngày đan chiếu lác  
Kẻ phen chiều tối học bài con  
Gió đưa thu đến sâu thêm bội  
Cây trái đông qua trái vẫn còn  
Chót núi nơi nào dung tở đứng  
Ngắm xem bể Á lớp triều dòn*[2, tr.138].

Từ nơi khám họ cùng nhau ngâm vịnh những vần thơ hào hùng kháng khái. Những vần thơ ngày đêm như nung nấu tận đáy lòng, có dịp thoát ra là hổ hã thúc dục mọi người phải tỉnh giấc tìm lại những gì mình đã mất. Những âm điệu thoát ra từ những con tim nóng bỏng chứa chan bầu nhiệt huyết chẳng bao giờ nguội lạnh. Những âm điệu đó vang lên quả là phương thuốc hiệu nghiệm cho bản thân họ khi quyền sống và quyền làm người bị tước đoạt. Đây cũng là máu tinh thần cho những người đồng hội đồng thuyền khác. Từ trong những khám sâu hầm kín hồn thơ thoát ra niềm mơ ước cháy bỏng.

Những sinh hoạt văn hóa nhưng xướng họa khi mới đến Côn Lôn, ngày tết thân nhân gửi quà cho người thân, vợ tặng mền cho chồng, làm thơ khóc chiến hữu, hoặc các thi thoại về đập đá, làm xôi, đêm tù, trà thuốc, ăn uống, vượt ngục... được ông và các bạn tù nói đến một cách chân tình mà không thiếu tính nghệ thuật. Chính vì vậy thi đề trong tác phẩm rất đa dạng và phong phú đối với văn học nói chung và thi tù nói riêng trong sinh hoạt văn chương Việt Nam đầu thế kỉ XX. Dù ở môi trường nào, trường hợp nào các thi đề của các chiến sĩ thi nhân ấy vẫn hào hùng, với khí thế hiên ngang lẫm liệt trước cầm quyền. Không nhờ công phu tâm huyết của Huỳnh Thúc Kháng, thơ văn đầu thế kỉ XX đã thiệt biết bao nhiêu. Các hợp tuyển thi văn đầu thế kỉ XX hầu hết đều trích từ Thi tù từng thoại. Cho nên tác phẩm vừa là một cuốn sử cách mạng vừa là một hợp tuyển thi văn cách mạng.

#### **- Chuyện trà thuốc, chơi tổ tôm ở trong tù**

Đã vào tù Côn Lôn, trăm cái tự do không còn chút gì là của mình nữa. Ở ngoài khát thì uống trà, đau thì uống thuốc, thuốc và trà không phải là một vật khó tìm với người thường, nhưng ở tù thì thuốc phải đi nhà thương mới có, trà thì rất khó kiếm, có mua được mà nấu cho ra được nước uống cũng là việc gay go. “Bọn quan to... nhiều ngài nghiện thỉnh thoảng cả tháng cũng được uống 5, 7 lần”. Bình thường thì thuê bọn nhà bếp dùng com cháy nấu nước uống thay trà. Còn người tù khi ho, nghẹt mũi thì phải lấy vỏ vạc và rễ cây bàng làm thuốc nấu lên rồi uống.

Ở trong tù ngoài thi văn tiêu khiển ra, ngày chủ nhật thỉnh thoảng cũng chơi tổ tôm. Đây là chơi lén thôi, nếu ma tà trông thấy là phạt ngay. Bọn tù thường phạm có khi còn chơi xóc đĩa. Chơi ăn thua một vài hào nhưng chơi nhiều có người thua hẳn túi. Ngô Đức Kế thua tổ tôm đã viết:

*Vò võ ngày tù xấp mấy thu  
Thi thì đòi nợ, bạc thì thua  
Đã đành chí sĩ tù phần nữa  
Còn có non sông sắt sừ đầu  
Giác chợt về nhà vui cuộc ấy  
Tiếng vang “đéo mẹ mỏng trời” đâu?  
Ví đem chữ nghĩa mà cân nhắc  
Đanh giá thi ông đáng mấy xu* [2, tr.109].

Qua việc thua bạc mà nghĩ đến sự thất bại về hoạt động cứu nước của mình quả thật là đắng cay.

Nhìn qua cuộc sống tù nhân của Côn Đảo (1908 – 1921) ta thấy người tù không những bị cướp đoạt, hành hạ thân xác mà còn bị lợi dụng. Trong cảnh ốm đau họ vẫn bị bỏ rơi như một đồ dùng quá hạn. Ngoài ra bọn cai tù vẫn còn những hình phạt vô cùng dã man đối với người không cúi đầu khuất phục. Trải qua nhiều năm Côn Đảo là “địa ngục trần gian” chôn bao anh hùng chí sĩ. Thảm cảnh đó được Minh Viên ghi lại: “Trải mấy mươi năm bị đè nén, vùi lấp dưới hầm sâu, hầm kín, báng súng, ngọn roi cùng xiềng xích... làm cho người tù gần như không thấy được mặt trời”.

Tuy là địa ngục trần gian nhưng các tù nhân lại biết tạo cho mảnh đất này trở thành trường học lớn. Những công việc nặng nhọc mà người tù phải làm ở đây là những bài học thiết thực. Con người bây giờ như đánh như nén. Sau bao ngày được rèn luyện đã có thể đối phó với mọi hoàn cảnh xảy ra. Côn Lôn đã tôi luyện mài dũa cho họ thành những con người toàn diện để ai cũng có quyền tin tưởng và hãnh diện vì dân tộc đã sản sinh ra. Do đó ai muốn biết vị cay đắng, cảnh hắc ám của tù đày thì cùng Minh Viên hãy hái tìm cái vốn sống thực nơi tù ngục thì chắc hẳn sẽ có nhiều tri ân tri kỉ:

*Ai ơi muốn học thì tù nhé*

*Trong đảo Côn Lôn bạn thiếu gì.*

(Phan Bội Châu – Đề hậu bản Thi tù từng thoại).

### **3. Một số vấn đề khác ở Côn Đảo**

#### **• Tù thường phạm và tù đàn bà ở Côn Đảo**

Trước năm 1908 ở nhà tù Côn Đảo chưa chia ra tù thường phạm và tù quốc sự. Năm 1908, “tụi quan to” bị đày ra Côn Đảo nhốt chung với bọn tù thường phạm. Tù thường phạm hầu hết là bọn trộm cắp, giết người... “Tụi quan to” sống với tù thường phạm hay bị bọn này ăn hiếp quấy rối nên đã nhiều lần làm đơn xin được giam riêng nhưng không được. Năm 1910, Tham biện Cudenè đã chuẩn y. Huỳnh Thúc Kháng viết về sự quấy rối của tù thường phạm: “Trong tù có bọn du côn, hung dữ quan tính, một chút háy nguýt, một lời động chạm nhau là đánh đá xâu ầu nhau, giết người bên chỗ nằm không phải là chuyện lạ. Chúng tôi lúc mới lại mấy tháng đầu, ở chung với bọn thường tù ấy, rất lấy làm khổ, tối lại chúng tôi cùng nhau bàn chuyện văn thơ, nói chuyện quốc sự làm vui, không dám chơi với bọn đó”.

Ở Côn Đảo có tù đàn bà. Tội danh của họ nào là kẻ giết chồng, người giết ông bà gia, người do trộm cắp. Vì tội nặng nên đày ra đảo. Tù đàn bà được ở khám riêng, làm xâu may quần áo cho tù, không cho tù đàn ông qua lại. Mỗi ngày hai bữa ăn, tù nhà bếp được ra vào và hai lần quét dọn. Song lúc vào có Gardien, ma tà cùng đi kèm. Số tù đàn bà chỉ khoảng 10 người, đó là “hoa biết nói” cũng là một đề tài để các sĩ phu làm thơ.

#### **• Những lần chấn chỉnh quy luật ở Côn Đảo**

Như ta đã biết ngày 1/ 2/1862, Bô-na kí quyết định thành lập nhà tù Côn Đảo.

Ngày 31/1/1873, Thống đốc Nam kì Đuy-pơ-rê ban bố quy chế riêng Côn Đảo gồm 43 điều. Bản quy chế số 2 được công bố ngày 11/12/1889 gồm 122 điều. Bản quy chế này được áp dụng trong một khoảng thời gian dài và được bọn thực dân đánh giá là có hiệu quả trong việc cai trị. Có điều trong quy chế này chưa phân biệt được tù thường phạm và tù quốc sự.

Năm 1910, tức là 2 năm sau khi các chí sĩ yêu nước bị đày ra đảo thì Cudenè ra làm tham biện. Ông này chấn chỉnh quy chế trong tù, phân biệt án nặng nhẹ, trong tù từ công

việc đến làm ăn đều có quy chế, làm theo đúng luật. Quang cảnh trong tù đổi ra một vẻ mới, “bọn tù quốc sự” được ở riêng và công việc có nhẹ hơn. “Từ đó chúng tôi mới có thú sống chút ít... trở thành thi đàn và trường học của chúng tôi. Khóa học trường thiên nhiên bắt đầu từ đó”.

Sau này, dưới thời Tham biện O.Coonnell có chấn chỉnh thêm một lần nữa. Tù quốc sự vẫn có phần được ưu tiên. Tuy tù quốc sự có được đặc ân hơn tù thường phạm nhưng quy chế ở Côn Đảo dưới thời Tham biện nào cũng hết sức chặt chẽ, thủ đoạn tàn nhẫn, nghiệt ngã.

#### • Đảo Côn Lôn dưới thời Tham biện O. Coonnell

Tìm hiểu nhà Côn Đảo trong giai đoạn 1908 – 1921 nếu không tìm hiểu về chính sách của O. Coonnell thì hẳn là một thiếu sót. O. Coonnell làm Tham biện trong 3 năm (1914 – 1917). Dưới thời của ông, chủ trương chính sách khai phóng một cách thiết tình. Huỳnh Thúc Kháng ghi lại: “Người không phải cây đá, dầu kẻ cùng hung cực ác, không phải là toàn không có nhất điểm lương tâm, chỉ vì cái chỗ cơ hàn thiết thân, cùng hoàn cảnh bất lương, một lần phạm tội trở thành người bỏ, xã hội không thêm đếm xia... Nếu nuôi dạy có phép, thì ăn mặc đủ mà sinh lễ nghĩa, dầu người nào cũng cảm hóa được”. Chính sách của O.Coonnell đủ chứng minh cho thuyết này.

Theo chính sách của O.Coonnell thì tù được ra ngoài làm công. Đến hạng tù chung thân mà lâu nay được coi là nguy hiểm, ông cũng tha xiềng thả lỏng ra ngoài làm ruộng, làm rẫy như tù khác. Ông chia 5 người hay 10 người làm một đoàn, cho tự chọn lấy đoàn của mình, một đoàn được cử 1 người ở ngoài luân, còn nửa ngày đêm vào khám. Bao nhiêu cách đề phòng điều được bãi bỏ. Đối với án lưu ông cùng Gardien Chef đi xem chọn một vùng đất có thể làm rẫy trồng trọt rồi cho án lưu làm trại ở đó tự làm ăn. Tất cả do một người cai coi sóc. Tù Cao Miêu cũng cho ở riêng ở một cụm núi, làm rẫy làm ruộng. Cuối cùng là tù quốc sự. Ông nói quốc sự phạm theo luật chúng nó phạm công tội, không được đối đãi chúng như tù thường phạm kia, phải cho chúng nó tự do sanh lí. Năm 1917, vì không được lòng thống đốc Nam kì, ông bị kiệt hồi. Bao nhiêu chính sách của ông bị bãi bỏ, tù ở ngoài lại phải vào khám đi làm ở các sở như trước kia

Tuy vậy xét về bản chất thì chính sách khai phóng của O.Coonnell có đầu tư, có kế hoạch, thủ đoạn, cách sắp đặt và thi hành có thứ lớp, sắp việc rành mạch hẳn hoi, thủ tục linh hoạt và cơ cảnh đủ điều, trong sự đối đãi khoan hồng có quyền thuật để ngự giá. Rõ ràng đây là tay lão luyện về mặt chính trị, chứ không phải nhắm mắt thả lỏng để hưởng cái tiếng khoan hồng suông.

#### • Một số biến động ở Côn Lôn (1908 – 1921)

Trong 13 năm này ở Côn Đảo có rất nhiều biến động. Đại dịch bệnh năm 1909 làm nhiều tù nhân phải bỏ mạng, hay những lần tù nhân trốn trại vượt biển về đất liền (Kim Đài, Hy Cao, Cửu Cai) là những biến động đầu tiên. Nhưng có 3 cuộc biến động mà Huỳnh Thúc Kháng cho là “đại biến” đó là:

1. Ông Aujrand bị tù giết.
2. Tấn kích tù chung thân bạo động.
3. Việc Quản đốc Andouanrd bị bắn.

Ngày 22/10/1910 một tù nhân đang xây bể giặt quần áo ở Banh I đã dùng đui nhọn đâm chết tên sếp chánh Emile Aujard. Tên này là một tên cảnh sát cũ rất ác ôn mà mọi tù

nhân đều căm ghét. Nhà cầm quyền ở Côn Đảo nhiều năm liền đã bùng bít sự kiện này do sợ ảnh hưởng lan rộng vào đất liền.

Mùa xuân 1918 ở Côn Đảo đã nổ ra cuộc bạo động của tù chung thân ở Banh I có sự tham gia của Nguyễn Trọng Thạc con trai của Nguyễn Thiện Thuật. Ngày mùng 4 tết tù chung thân vẫn đi làm bình thường. Khoảng 2 giờ chiều tù nhân ở Banh I dùng búa đập chết tên Xi-mông và 2 ma tà. Những người tù ào lên định cướp vũ khí. Quản đốc Andouanrd đưa lính Tây xả súng vào người tù. Cuộc tàn sát những người tù kéo dài hơn 2 giờ đồng hồ. Nhiều chí sĩ như Nguyễn Trọng Thạc, Phạm Cao Chảm cùng 80 tù chung thân đã gục ngã. Huỳnh Thúc Kháng ghi lại: “Về đến banh vào trong sân thì thấy xác chết nằm ngổn ngang, máu chảy thành đông, mắt không giám ngó”. Andouanrd là một trong những tên “chúa đảo” hung ác nhất. Là một trung úy cảnh sát được cất nhắc ra làm Quản đốc. Hắn bị cụt một tay trong chiến tranh thế giới nhất nên tù nhân gọi hắn là “Ông lớn một tay”. Động một tí là phạt rất nặng, nhất là đối với tù chung thân. Ngày 3/12/1919, tên Andouanrd khát máu đã phải đền tội. Sứu nhỏ đã lấy được súng lục của nó và hạ sát tên ác ôn này. Xong nhiệm vụ trả thù cho hơn 80 tù chung thân, Sứu Nhỏ đã tự vẫn vì biết khó thoát.

Chính những cuộc nổi dậy của tù Côn Đảo, đặc biệt là trong 2 năm 1918 – 1919 đã gây ấn tượng mạnh cho những sĩ phu văn thân ở Côn Đảo trước khi họ được thả. Muốn sống còn chỉ có con đường duy nhất là đấu tranh. Đấu tranh như thế nào? Những năm cuối cùng ở Côn Đảo, lớp nho sĩ yêu nước thường bàn luận về chủ nghĩa, về phương thức đấu tranh khi thoát cảnh “cá chậu chim lồng”. Trong số những văn thân đã hết vai trò lịch sử đó có ông Nguyễn Đình Kiên đã suy nghĩ tìm cách đến gần tới những tổ chức chính trị của giai cấp công nhân – giai cấp mà lịch sử giao nhiệm vụ lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam.

\*\*\*

**Thi tù tùng thoại** đúng là thiên từ sử đầu tiên của văn học Việt Nam. Cùng với thơ văn của các sĩ phu yêu nước, Huỳnh Thúc Kháng cũng đã cho biết thêm những sinh hoạt nơi nhà tù Côn Đảo. Đó là những công việc khổ sai, những quy chế khắc nghiệt, tàn bạo của nhà tù, cảnh sống thiếu thốn cơ cực, cách cư xử nghiệt ngã mà các sĩ phu yêu nước phải hứng chịu. Bên cạnh đó ta thấy được bản lĩnh của các sĩ phu yêu nước. Họ đã xem nhà tù Côn Đảo là “thiên nhiên học hiệu”, là nơi tôi luyện bản thân để từ đó tiếp tục dũng cảm đấu tranh không mệt mỏi, hay tìm cách vượt ngục để tiếp tục con đường cứu nước. Có thể nói đây là những sử liệu không thể bỏ qua khi nghiên cứu, tìm hiểu về nhà tù Côn Đảo.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Huỳnh Thúc Kháng, *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ và thư trả lời kì ngoại hầu*, Nxb Văn hóa thông tin, 2000.
2. Minh Viên Huỳnh Thúc Kháng, *Thi tù tùng thoại*, Nxb Văn hóa thông tin, 2001.
3. Trần Việt Ngạc, *Huỳnh Thúc Kháng sử gia của phong trào Duy Tân*, Lưu hành nội bộ ĐHSP TP Hồ Chí Minh, 2005.
4. Trần Việt Ngạc, *Sử tù Côn Đảo và người tù chung thân số 7455*, Lưu hành nội bộ ĐHSP TP Hồ Chí Minh, 2005.
5. Huỳnh Bá Sơn, *Tù Côn Đảo*. Nxb Cà Mau, 1997.

6. Nguyễn Q.Thắng, *Huỳnh Thúc Kháng con người và thơ văn*, Nxb Văn học, 2001.
7. Nguyễn Đình Thống - Nguyễn Linh – Hồ Sĩ Hành, *Nhà tù Côn Đảo 1862 – 1975*, Nxb Chính trị quốc gia, 2000.
8. Nguyễn Đình Thống, *Côn Đảo từ góc nhìn lịch sử*, Nxb Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2012.
9. Nguyễn Văn Xuân, *Phong trào Duy Tân*, Nxb Đà Nẵng, 2000.